

NHẬN THỨC CỦA CÁN BỘ CƠ SỞ VÀ NHÂN DÂN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO QUỐC GIA

NGUYỄN CHÍ DŨNG^(*)

Việt Nam là một quốc gia ven biển, có bờ biển dài trên 3.200 km; vùng biển và thềm lục địa rộng gấp ba lần diện tích đất liền với trên một triệu km²; trên 3.000 đảo lớn nhỏ nằm rải rác ở ven bờ và ở hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Cả nước có 28 tỉnh, thành phố ven biển với diện tích các huyện có biển chiếm 17% tổng diện tích cả nước. Đây là nơi sinh sống của hơn 1/5 dân số cả nước. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, biển, đảo có vai trò đặc biệt quan trọng, ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng.

“Thế kỷ XXI được thế giới xem là thế kỷ của đại dương”. Các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006) và lần thứ XI (2011) của Đảng đã khẳng định: Phát triển kinh tế biển, đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển, bảo đảm quốc phòng, an ninh... là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách. Sau Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X, *Chiến lược biển Việt Nam đến 2020* (Chiến lược) được Hội nghị Trung ương 4 khóa X thông qua. Chính phủ đã ban hành các Chương trình hành động nhằm thực hiện Chiến lược.

Để có cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc tổ chức, thực hiện Chiến lược, đặc biệt cho các hoạt động truyền thông, cần có những nghiên cứu về nhận thức của cán bộ và nhân dân về biển, đảo. Bài viết dựa trên kết quả nghiên cứu của đề tài “Nhận thức và thái độ của các tầng lớp nhân dân về biển đảo Việt Nam” do Vụ Quan hệ Quốc tế, Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Viện Xã hội học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện. Cuộc khảo sát được thực hiện tại 3 tỉnh: Nam Định, Nghệ An và Sóc Trăng. Dung lượng mẫu khảo sát thực tế là 1.981 người. Trong đó, 49% nam và 51% nữ; người Kinh chiếm 88,5%, người dân tộc thiểu số chiếm 11,5%; người không theo tôn giáo nào chiếm 86,1% và người có đạo chiếm 13,9%. Phân bố về địa bàn cư trú trong các nhóm người được khảo sát là tương đối đồng đều giữa nhóm “đô thị” (52,2%) và “nông thôn” (47,8%). Có tỷ lệ này là do nhóm sinh viên đang sống và học tập tại các đô thị. Những người tham gia trả lời trong cuộc khảo sát thuộc ba nhóm, gồm cán bộ lãnh đạo

^(*) PGS.TS., Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

quản lý cơ sở (cán bộ cơ sở), sinh viên và nhân dân sinh sống tại các địa bàn ven biển. Trong đó, nhóm nhân dân chiếm tỷ lệ nhỏ nhất (gần một phần tư tổng số người được trưng cầu ý kiến), hai nhóm còn lại chiếm tỷ lệ lớn hơn và số lượng tuyệt đối cũng gần ngang bằng nhau.

1. Nhận thức của cán bộ và nhân dân về vị trí, vai trò của kinh tế biển và an ninh quốc gia

Đánh giá về vị trí, vai trò của biển, đảo trong phát triển kinh tế - xã hội, đa số những người trả lời phiếu cho rằng, biển đảo có vai trò “rất quan trọng” (65,8%) và “quan trọng” (30,8%) đối với phát triển kinh tế của đất nước. Chỉ có số rất ít người được hỏi cho rằng, vai trò của biển đảo là “không quan trọng” (0,5%).

Tuy nhiên, khi được yêu cầu đưa ra đánh giá cụ thể hơn về vai trò kinh tế - xã hội của biển đảo, những người tham gia trả lời phỏng vấn tỏ ra khá mơ hồ đối với những thông tin cụ thể phản ánh vai trò quan trọng này. Hiện tại, Việt Nam nằm trong số 6 nước dẫn đầu thế giới về xuất khẩu thủy sản, song với câu hỏi “Tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta nằm trong nhóm nào của thế giới?”, kết quả khảo sát cho thấy, khoảng một phần tư trong tổng số những người được hỏi cho rằng, nước ta đang nằm trong nhóm 10 nước xuất khẩu thủy sản cao nhất của thế giới, số còn lại hoặc là đưa ra câu trả lời không chính xác, hoặc là không trả lời.

Theo ước tính, quy mô kinh tế (GDP) biển và vùng ven biển Việt Nam bình quân đạt khoảng 47 - 48% GDP cả nước; trong đó GDP của kinh tế “thuần biển” đạt khoảng 20-22%

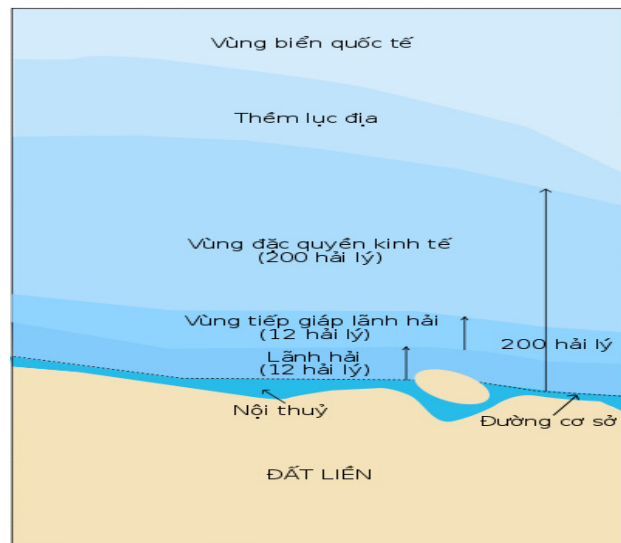
tổng GDP cả nước [2]. *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020* nhấn mạnh: “Phấn đấu đến năm 2020, kinh tế biển và ven biển đóng góp khoảng 53% - 55% tổng GDP của cả nước” [1]. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy, không nhiều người trong các đối tượng được trưng cầu ý kiến nắm được các thông tin này. Trong tổng số người được hỏi, có 6,8% trả lời rằng, tỷ trọng đóng góp của giá trị kinh tế biển và ven biển vào thu nhập chung của nền kinh tế quốc gia hiện nay là từ 41% đến 50%.

Tương tự như đánh giá về vai trò của biển đảo trong phát triển kinh tế - xã hội, đa số những người được hỏi đều cho rằng biển đảo có vai trò “rất quan trọng” (chiếm 85,9%) và “quan trọng” (9,3%) trong đảm bảo an ninh quốc phòng.

2. Nhận thức về luật pháp quốc tế liên quan đến kinh tế biển và chủ quyền biển, đảo quốc gia

Công ước Luật biển của Liên Hợp Quốc (United Nations Convention on Law of the Sea - UNCLOS) là một hiệp ước quốc tế được ký kết năm 1982, có hiệu

Biểu 1: Sơ đồ các khái niệm ranh giới trên biển



lực năm 1994. Công ước quy định quyền và trách nhiệm của các quốc gia trong việc sử dụng biển, thiết lập các hướng dẫn rõ ràng cho các hoạt động kinh doanh, bảo vệ môi trường và quản lý các tài nguyên thiên nhiên đại dương. Công ước có các điều khoản định nghĩa các ranh giới trên biển như: Đường cơ sở (baseline), Vùng nội thủy, Lãnh hải, Vùng tiếp giáp lãnh hải, Vùng đặc quyền kinh tế, Thềm lục địa (xem Biểu 1).

Để tìm hiểu nhận thức của cán bộ và nhân dân về những quy định có tính pháp lý về biển đảo, chúng tôi nêu ra câu hỏi về mức hiểu biết của các nhóm khách thể nghiên cứu với UNCLOS. Kết quả thu được cho thấy, số người nắm được nội dung UNCLOS là không lớn. Trong tổng số người trả lời, có 27,4% khẳng định đã nghiên cứu nội dung Công ước, còn 53% khác chỉ mới nghe tên Công ước, số không biết gần 20%. Một điều đáng quan tâm là, tỷ lệ người dân trả lời “đã nghiên cứu nội dung” UNCLOS cao hơn hai nhóm đối tượng còn lại, nhóm cán bộ có tỷ lệ thấp nhất (Bảng 1).

Nhận thức của các nhóm đối tượng đang còn thiếu chuẩn xác đối với một số khái niệm căn bản được đề cập đến trong UNCLOS. Số người khẳng định nắm rõ các khái niệm này không nhiều (ở hầu hết các chỉ báo, số này chỉ gần 30% đến dưới 50%). Nhiều người được

hỏi chỉ biết chút ít, số không biết chiếm từ khoảng 20% đến 50%. So sánh giữa nhóm cán bộ và nhân dân về mức độ “không biết” cho thấy, số nhân dân chiếm tỷ lệ cao hơn so với cán bộ (Bảng 2).

Bên cạnh đó, khi tìm hiểu nhận thức của các nhóm đối tượng về *Tuyên bố cách ứng xử của các bên ở biển Đông* (Tuyên bố ứng xử) cho thấy, nhận thức của những người tham gia trả lời phỏng vấn về Văn bản này là khá thấp. Trong số 1.938 người trả lời phiếu, có 21,3% khẳng định đã nghiên cứu nội dung văn bản pháp lý này, số người mới chỉ biết tên của văn bản chiếm tới hơn một nửa (54,4%), số còn lại hoặc là không biết, hoặc là không đưa ra câu trả lời. Cũng như một số chỉ báo trên, tỷ lệ cán bộ cơ sở được hỏi, trả lời “Đã nghiên cứu Tuyên bố ứng xử” thấp hơn đáng kể so với nhóm sinh viên và nhóm nhân dân. Đối với câu hỏi về năm ký Tuyên bố ứng xử (năm 2002), cũng chỉ có 16,7% số cán bộ được hỏi trả lời đúng. Trong khi đó, tỷ lệ trả lời đúng ở nhóm sinh viên là 26% và nhóm nhân dân là 29,4%. Đây là

Bảng 1: Mức độ biết về UNCLOS, theo nhóm đối tượng

Đơn vị tính: %

Mức độ nhận biết		Nhóm đối tượng			Chung
		Sinh viên	Cán bộ	Nhân dân	
Đã nghiên cứu nội dung	Tần suất	211	144	178	533
	Tỷ lệ (%)	29.2	19.3	37.6	27.4
Mới nghe tên	Tần suất	374	474	181	1.029
	Tỷ lệ (%)	51.8	63.5	38.2	53.0
Không biết	Tần suất	137	128	115	380
	Tỷ lệ (%)	19.0	17.2	24.3	19.6
Tổng số	Tần suất	722	746	474	1.942
	Tỷ lệ (%)	100.0	100.0	100.0	100.0

* Còn một số không trả lời không thống kê trong bảng này

một thực tế đáng lo ngại, bởi nếu cán bộ cơ sở không hiểu biết đầy đủ những quy định trong luật pháp quốc tế về biển đảo thì rất khó triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung của các văn bản này.

3. Nhận thức về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về biển đảo và phát triển kinh tế biển

Về Chiến lược, kết quả khảo sát cho thấy, chỉ có một phần ba số người được trưng câu ý kiến đã nắm được nội dung của Chiến lược và có tới gần một nửa trong tổng số các đối tượng nghiên cứu mới chỉ biết đến tên của Chiến lược này. Nhóm cán bộ cơ sở đã biết đến tên của Chiến lược chiếm tỷ lệ lớn nhất trong

các nhóm đối tượng nghiên cứu. Trong đó, số cán bộ cơ sở đã tìm hiểu nội dung của Chiến lược thấp hơn so với cả hai nhóm đối tượng còn lại. Điều này cho thấy, các cán bộ cơ sở ở cơ sở thuộc các địa bàn khảo sát chưa thực sự quan tâm đầy đủ đến văn bản pháp lý quan trọng này (Biểu 2).

Tìm hiểu mức độ biết về *Chương trình hành động của Chính phủ* nhằm thực hiện Chiến lược, kết quả khảo sát cho thấy, chỉ có khoảng một phần tư số người tham gia trả lời phỏng vấn cho biết, họ đã tìm hiểu nội dung của Chương trình hành động. Tương tự như tìm hiểu về Chiến lược, nhóm cán bộ cơ sở biết đến tên của Chương trình hành động

Bảng 2: Nhận biết về nội dung một số khái niệm cơ bản theo nhóm đối tượng

Đơn vị tính: %

Thuật ngữ và mức độ nhận biết		Nhóm đối tượng			Chung
		Sinh viên	Cán bộ	Nhân dân	
Đường cơ sở	Nắm rõ	43.0	16.3	15.0	26.2
	Chỉ biết chút ít	45.2	49.9	33.2	44.0
	Không biết	11.8	33.8	51.8	29.8
Vùng nội thủy	Nắm rõ	46.8	23.3	28.5	33.6
	Chỉ biết chút ít	46.0	52.5	30.5	44.7
	Không biết	7.2	24.2	41.0	21.7
Lãnh hải	Nắm rõ	46.2	29.3	30.1	35.9
	Chỉ biết chút ít	47.4	49.5	28.8	43.7
	Không biết	6.4	21.2	41.0	20.4
Vùng tiếp giáp lãnh hải	Nắm rõ	41.1	24.0	20.4	29.6
	Chỉ biết chút ít	51.2	50.3	32.0	46.2
	Không biết	7.8	25.7	47.6	24.1
Vùng đặc quyền kinh tế	Nắm rõ	50.3	28.4	31.4	37.5
	Chỉ biết chút ít	43.8	53.2	25.4	42.9
	Không biết	5.8	18.4	43.2	19.6
Thềm lục địa	Nắm rõ	52.2	31.2	19.5	36.4
	Chỉ biết chút ít	43.1	50.3	33.5	43.6
	Không biết	4.6	18.5	47.0	20.1

* Còn một số không trả lời không thống kê trong bảng này

chiếm tỷ lệ cao nhất trong các nhóm, nhưng số người đã tìm hiểu nội dung của Chương trình hành động lại thấp hơn cả hai nhóm đối tượng còn lại (xem Biểu 3).

4. Nhận thức về các hoạt động khai thác biển và hợp tác quốc tế trong khai thác biển

Về quyền khai thác biển của người Việt Nam, các đối tượng được khảo sát có nhận thức khá hạn chế đối với tất cả các vùng biển, từ vùng nước nội thủy đến vùng thềm lục địa.

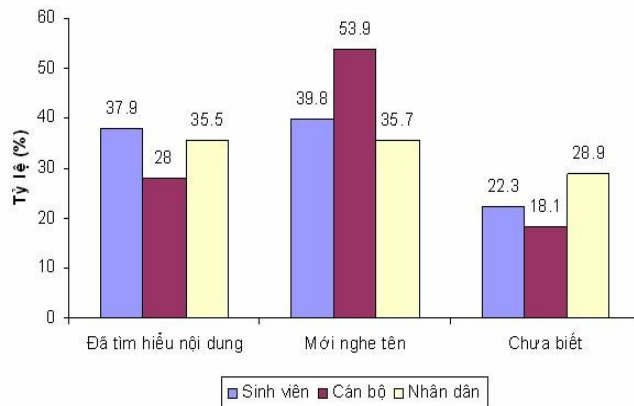
Về những điều kiện cần thiết để người Việt Nam có thể khai thác các vùng biển một cách hợp pháp và an toàn, kết quả nghiên cứu thể hiện rằng, đa số các đối tượng khảo sát quan tâm đến những khó khăn và đe dọa từ thiên tai và sự nghèo nàn về trang thiết bị cho hoạt động khai thác biển. Bên cạnh đó, ý kiến của nhóm nhân dân về nhu cầu đối với những điều kiện mà họ thấy là cần thiết để người Việt Nam có thể khai thác biển một cách hợp pháp và an toàn cũng là nguồn thông tin tham khảo có giá trị. Đề cập đến khó khăn về việc trang thiết bị nghèo nàn, có tới hơn 82% số người được hỏi cho rằng, ngư dân thiếu tàu, thuyền công suất lớn để ra khơi. Để đương đầu với thiên tai, có tới hơn 84% người được hỏi cho rằng, đây cũng là một thách thức. Ngoài ra, sự tấn công từ bên ngoài và đe dọa tấn công từ bên ngoài cũng là những khó khăn không nhỏ của ngư

dân hiện nay. Có 34,2% và 56,7% người được hỏi đồng tình (Bảng 3, trang bên).

Về hợp tác quốc tế trong khai thác biển, kết quả khảo sát cho thấy, các đối tượng trong diện khảo sát quan tâm nhất đến việc hợp tác quốc tế trong bảo đảm an ninh, an toàn biển. Lĩnh vực bảo vệ tài nguyên môi trường biển cũng rất được coi trọng trong hoạt động hợp tác quốc tế. Nhóm cán bộ cơ sở là những người quan tâm nhiều nhất đến hoạt động hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực này so với hai nhóm đối tượng còn lại.

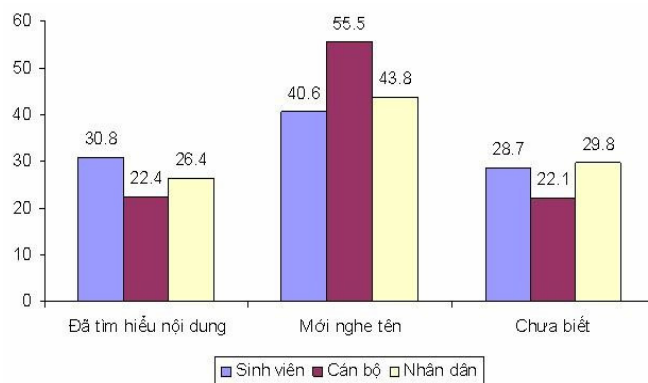
Đối với các lĩnh vực như dầu khí và

Biểu 2: Mức độ biết về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, theo nhóm đối tượng



Biểu 3: Mức độ biết về Chương trình hành động của Chính phủ năm 2007, theo nhóm đối tượng

Đơn vị: %



Bảng 3: “Ngư dân Việt Nam hiện đang gặp những khó khăn nào khi khai thác biển?”, theo nhóm đối tượng

Đơn vị tính: %

Nội dung	Nhóm đối tượng			Chung
	Sinh viên	Cán bộ	Nhân dân	
Bị đe dọa tấn công từ bên ngoài	49.6	59.7	63.1	56.7
Bị tấn công từ bên ngoài	18.6	40.9	47.8	34.2
Gặp thiên tai	84.2	86.4	80.5	84.1
Trang thiết bị cho hoạt động khai thác biển còn nghèo nàn	86.4	84.6	72.7	82.4
Một số khó khăn khác	11.1	11.0	9.9	10.8

quản lý nhà nước về biển, tỷ lệ khá lớn những người trả lời phỏng vấn cho rằng, rất cần thiết phải đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong khoảng thời gian 10 năm tới. Tỷ lệ ý kiến của nhóm cán bộ cơ sở quản lý về hợp tác quốc tế trong những lĩnh vực này nhiều hơn tỷ lệ ý kiến của nhóm sinh viên và nhân dân.

5. Nhận thức và thái độ đối với việc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia

Về các tranh chấp trên biển, đảo, nhận thức của các đối tượng được trưng cầu ý kiến chỉ mới bước đầu. Đa số những người được hỏi quan tâm nhiều tới những tranh chấp xung đột của Việt Nam với Trung Quốc. Các tranh chấp về chủ quyền biển đảo khác chưa được quan tâm đầy đủ.

Về nguy cơ xung đột, nguy cơ xâm lấn của nước ngoài, phần lớn cán bộ và người dân được hỏi thể hiện sự quan tâm, lo ngại rất cao trong quan hệ với Trung Quốc. Nhóm sinh viên có xu hướng thể hiện lo ngại về nguy cơ này là lớn nhất trong ba nhóm đối tượng được khảo sát. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các đối tượng được trưng cầu ý kiến

đánh giá về ba nguy cơ nghiêm trọng nhất có thể diễn ra bao gồm: Tàu đánh cá của ngư dân bị bắt bớ vô lý khi đang khai thác tại địa phận của Việt Nam (62,2%); Nguy cơ gây xung đột để xâm chiếm chủ quyền biển đảo của Việt Nam (55,8%); và Tàu đánh bắt nước ngoài khai thác trái phép trên địa phận biển đảo của Việt Nam (54,7%).

Về vai trò của kinh tế biển với việc bảo vệ chủ quyền biển đảo, kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số các ý kiến đánh giá vai trò của những hoạt động này là quan trọng. Tuy nhiên, cũng có sự khác biệt nhất định giữa nhận định và thái độ của các nhóm đối tượng được trưng cầu ý kiến. Tỷ lệ đánh giá vai trò của các hoạt động kinh tế là “rất quan trọng” trong bảo vệ chủ quyền biển đảo ở nhóm cán bộ cao hơn tỷ lệ này ở nhóm sinh viên. Đây là điều phản ánh hướng quan tâm nhiều hơn của nhóm cán bộ cơ sở quản lý đối với công cuộc phát triển kinh tế cũng như vai trò của sức mạnh kinh tế đối với tiềm lực quân sự, chính trị của đất nước nói chung.

Về các phương pháp đấu tranh bảo vệ chủ quyền, kết quả khảo sát cho thấy, các nhóm đối tượng khác nhau đã đưa ra những ý kiến khá khác nhau. Nhóm sinh viên có xu hướng chú trọng sử dụng các biện pháp đấu tranh mạnh mẽ hơn là nhóm cán bộ cơ sở quản lý. Còn, nhóm cán bộ cơ sở quản lý lại có cách nhìn mềm dẻo hơn về vấn đề này.

Tìm hiểu về cách tháo gỡ khó khăn cho người dân khi khai thác biển, chúng

tôi yêu cầu nhóm đối tượng này cho ý kiến về nhu cầu được hỗ trợ từ các cơ quan chức năng, đa số các ý kiến tập trung vào những giải pháp hỗ trợ về tài chính và vật chất. Có tới hơn 85% số ý kiến cho rằng, các cơ quan chức năng cần cấp thêm vốn cho ngư dân; 78,4% cho rằng các cơ quan chức năng cần hỗ trợ trang bị tàu thuyền cho ngư dân khai thác biển. Số người cho rằng cần “tạo thế liên kết nhân dân trên biển” và “tìm kiếm và hỗ trợ việc làm” chỉ bằng khoảng một nửa so với hai giải pháp trên.

Khi tìm hiểu về những yếu tố ảnh hưởng tới chủ quyền biển đảo của Việt Nam, chúng tôi đưa ra một số sự kiện diễn ra trong thời gian gần đây để những người tham gia trả lời phỏng vấn đánh giá, bao gồm: (1) Lập trường của Trung Quốc về tuyên bố “Đường lưỡi bò” (đường gãy khúc 9 đoạn), (2) Sự lỏng lẻo trong việc thi hành các điều khoản của bản “Tuyên bố về qui tắc ứng xử trên biển Đông”, (3) Súc ép của Trung Quốc đối với các công ty nước ngoài có ý định hợp tác khai thác dầu khí với Việt Nam, (4) Việc Trung Quốc diễn tập quân sự trong vùng biển đặc quyền kinh tế của Việt Nam, và (5) Các hoạt động hợp tác chống cướp biển và cứu hộ, cứu nạn.

Theo đánh giá của các đối tượng được khảo sát, các vấn đề gây ảnh hưởng nghiêm trọng nhất đến chủ quyền biển đảo của Việt Nam là lập trường của Trung Quốc về tuyên bố “Đường lưỡi bò” và việc Trung Quốc diễn tập quân sự trong vùng biển đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Trong các nhóm đối tượng được trưng cầu ý kiến về những nội dung này, có tới 61,4% và

60,6% số ý kiến được hỏi bày tỏ lo ngại về tác động nghiêm trọng của những hoạt động mà Trung Quốc đã làm trong thời gian qua ở biển Đông.

Những kết quả nghiên cứu cho thấy, cần khẩn trương thực hiện nhiều chính sách nhằm phát triển kinh tế biển và bảo vệ được chủ quyền biển đảo quốc gia. Trong đó, cần đầu tư phát triển những ngành, nghề mà Việt Nam có thế mạnh; tổ chức lại sản xuất, nâng cao năng lực đánh bắt xa bờ; phải đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước, tinh thần tự cường dân tộc; phải thống nhất trong ý chí và hành động của cả cán bộ và nhân dân trong đấu tranh chống những hành vi ngăn cản công cuộc phát triển kinh tế biển và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia. Việt Nam cũng cần đẩy mạnh hợp tác với các nước trong khối ASEAN và với những nước có cùng chung lợi ích, đồng thời tích cực tuyên truyền, vận động quốc tế ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của Việt Nam là nguyện vọng và yêu cầu chính đáng của cả cộng đồng dân tộc chúng ta hiện nay □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*, Hội nghị lần thứ 4, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X.
2. <http://www.tinkinhhte.com/nd5/detail/viet-nam/phan-tich-du-bao/phan-trien-kinh-te-bien-dao-viet-nam-thuc-trang-va-trien-vong/99414.113121.html>, cập nhật ngày 16/5/2010.